

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2025/HS-PT
Ngày: 19/12/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đinh Phước Hoà

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn long và ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thành An, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 12 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân
dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số
238/2025/TLPT-HS ngày 29 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Xuân H,
Phan Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan,
tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” do có kháng cáo
của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2025/HS-ST ngày 17/9/2025
của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo kháng cáo:

1. Hoàng Xuân H, sinh năm 1995; tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn B, xã
K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn B, xã M, tỉnh Đắk Lắk); giới tính: Nam;
dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự
do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; con ông Hoàng Ngọc H1, sinh năm 1972 và
bà Phạm Thị H2, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm
giam từ ngày 28/9/2014 cho đến nay tại Trại giam S1 Công an tỉnh Đ; có mặt.

2. Phan Văn B, sinh năm 1992; tại tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: Tổ dân phố
B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tổ dân phố B, xã M, tỉnh Đắk Lắk);
giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp:
Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; con ông Phan Văn S, sinh năm

1967 (đã chết) và bà Đoàn Thị Kim N, sinh năm 1972; có vợ Phạm Thị H3, sinh năm 1998 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: + Ngày 07/02/2011, bị Công an huyện M, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Xâm phạm sức khỏe người khác”; + Ngày 24/10/2022, bị Công an huyện M, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/9/2024 cho đến nay tại Trại giam S1 Công an tỉnh Đ; có mặt.

- *Người bào chữa của các bị cáo* Hoàng Xuân H và Phan Văn B: Ông Nguyễn Hoàng Thái V - Luật sư, Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị hại*: Tổng công ty C; địa chỉ: Số C P, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (N là phường H, thành phố Đà Nẵng) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/9/2024, do làm ăn thua lỗ, nợ tiền của nhiều người không có khả năng trả nợ nên Hoàng Xuân H bàn bạc, thống nhất với Phan Văn B về việc trộm cắp 03 (ba) cuộn dây cáp điện ACSR 500/64 của Tổng Công ty Cổ phần C đang được tập kết tại bãi tập kết N, thuộc thôn D, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk để bán lấy tiền trả nợ, tiêu xài cá nhân. Sau đó, H liên hệ với anh Phạm Khắc B1 (*sinh năm 1991, nơi cư trú 131/19/37, đường số G, TDP F, KP8, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh*) thỏa thuận bán 03 cuộn dây cáp điện với giá 300.000.000 đồng thì B1 đồng ý. Do H đang làm ở tỉnh Quảng Nam nên H cho B số điện thoại của B1 để liên lạc, dẫn đường cho B1 vào vị trí để các cuộn dây cáp.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 19/9/2024, khi B1 đưa xe cầu tới cây xăng B4, thuộc thôn C, xã K, huyện M bãi tập kết N khoảng 03km, thì gọi điện cho B. B điều khiển xe mô tô AirBlade, biển số 47G-259.87 đến dẫn đường cho B1 vào nơi tập kết các cuộn dây cáp. Khi tới nơi, B chỉ các cuộn dây cáp đang tập kết tại bãi đất trống dưới chân đồi thuộc thôn D, xã K, huyện M để cho B1 cầu 03 cuộn dây cáp. Lúc này B1 hỏi Bính các giấy tờ, tài liệu có con dấu của Công ty thể hiện việc mua bán các cuộn dây cáp này thì B trả lời “*không có*”. Nghe vậy, B1 nói với B phải có giấy tờ, tài liệu có dấu của Công ty thì B1 mới thực hiện việc mua bán, rồi B1 về lại Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau đó, B nói lại sự việc B1 yêu cầu phải có giấy tờ có con dấu của Công ty thì B1 mới thực hiện mua bán cho H biết. Sau khi biết được việc B1 yêu cầu phải có giấy tờ, con dấu thì H lên mạng xã hội Facebook liên hệ với tài khoản tên Yên N1, để đặt làm 01 con dấu hình chữ nhật có chữ “BCH GÓI THẦU SỐ 07; TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN X; MST: 0400101450; 344 P, P. B, Q.H, TP.Đà Nẵng” với giá 180.000 đồng, rồi gửi xe ô tô khách về cho B (H cho số điện thoại của B để nhận hàng) và soạn các loại giấy tờ gồm: 01 Biên bản bàn giao vật tư, 01 Phiếu xuất kho gửi Zalo cho B, H còn gửi cho B 01 hình ảnh thẻ Căn cước Công dân mang tên Nguyễn Đức D, số 027069012634, sinh ngày 12/02/1969, nơi thường trú: L, Cam T, C, Quảng Trị và 01 hình ảnh thẻ Căn cước Công dân mang tên Đặng Quang T1, số 044086007325, sinh ngày 22/5/1986, nơi thường trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 22/02/2022 và nói B lấy tên T1 để thực hiện việc mua bán với ông B1. Sau đó, B đã dùng phần mềm chỉnh sửa ảnh và ghép ảnh trên điện thoại TCL 406s của mình để chỉnh sửa hình ảnh Căn cước công dân mang tên Đặng Quang T1, thay đổi số CCCD từ số 044086007325 sang số D, thay đổi ngày tháng năm sinh từ 22/5/1986 sang 22/5/1990 và thay đổi hình ảnh thẻ Căn cước công dân của ông T1 thành hình ảnh của B, sau đó chụp ảnh gửi lại cho B1 hình ảnh các giấy tờ và Căn cước công dân (đã được chỉnh sửa). Thấy đầy đủ giấy tờ và có Căn cước công dân nên B1 đồng ý việc mua bán.

Sau khi biết B1 đồng ý mua bán thì H trao đổi, thống nhất với B1 việc trộm thêm 01 cuộn dây cáp điện bán cho B1 rồi H thông báo muốn bán tổng cộng 04 cuộn dây cáp thì B1 đồng ý mua với giá 400.000.000 đồng, trừ đi chi phí đi lại thuê xe 02 lần là 20.000.000 đồng, trừ đi 50.000.000 đồng tiền H còn nợ B1, số tiền còn lại 330.000.000 đồng. Nhưng khi làm việc với B, H dặn anh B1 báo giá trị (giá mua bán) của 04 cuộn cáp là 240.000.000 đồng mọi việc giữa H với B thì H sẽ giải quyết riêng.

Khoảng 03 giờ ngày 22/9/2024, B1 cùng ông Phạm Bá V1 (*sinh năm 1991, nơi cư trú: 208/26/64 đường số E, phường B, quận B, TP .*), ông Lê Công T2 (*sinh năm 1990, nơi cư trú: 156 TA13, phường T, Quận A, TP .*) và ông Nguyễn Đồng P (*sinh năm 1997, nơi cư trú: xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh*) đi xe ô tô, biển số 51D-274.27 di chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh đến tỉnh Đắk Lắk để cầu 04 cuộn dây cáp lên xe. Đến khoảng 05 giờ 15 phút cùng ngày thì cầu xong 04 cuộn dây cáp lên xe. B1 nói B là đã thỏa thuận với H mua 04 cuộn dây cáp với giá 240.000.000 đồng (*theo lời dặn của H*), trừ đi 10.000.000 đồng tiền thuê xe và nói chuyển khoản cho B số tiền 130.000.000 đồng, số tiền còn lại thì B1 sẽ chuyển cho H sau. Tuy nhiên, B lấy tên là Đặng Quang T1 sợ bị phát hiện nên yêu cầu B1 chuyển hết số tiền bán 04 cuộn dây cáp cho H. Sau đó, B1 đã chuyển cho H số tiền

330.000.000 đồng. H trao đổi với B số tiền bán 04 cuộn dây cáp là 240.000.000 đồng, trừ 10.000.000 đồng tiền xe và H nói sẽ chia cho B số tiền 100.000.000 đồng. Nhưng đến ngày 23/9/2024, H chỉ chuyển cho B số tiền 60.000.000 đồng, phần còn lại H mượn để sử dụng, sẽ trả sau. Số tiền bán 04 cuộn dây cáp H và B sử dụng trả nợ và tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi mua được 04 cuộn dây cáp điện nêu trên thì B1 đã bán cho anh Lê Đình L1 (*sinh năm 1980, trú tại 762 Ấp B đường L, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh*) với giá 625.000.000 đồng.

Đến ngày 24/9/2024, ông Trần Văn L2 (*sinh năm 1973, trú tại thôn A, xã K, huyện M*) là người được Tổng Công ty Cổ phần C thuê trông coi đi kiểm tra thì phát hiện bị mất 04 cuộn dây cáp điện với tổng giá trị 896.000.000 đồng, nên đã trình báo về Tổng Công ty. Sau đó Tổng Công ty đã trình báo sự việc đến Công an huyện M.

*** Kết quả giám định, định giá tài sản:**

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3725/KL-HĐĐG ngày 17/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: 04 cuộn dây dẫn điện nhôm lõi thép loại ACSR 500/64, trọng lượng 4.206kg/cuộn, dài 2000m/cuộn có giá 1.096.000.000 đồng.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 3888/KL-HĐĐG ngày 29/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Dây kim loại sắt khối lượng 4.282kg là 38.538.000 đồng, dây kim loại nhôm khối lượng 10.865kg là 651.000.000 đồng; thanh kim loại sắt khối lượng 503kg là 4.527.000 đồng. Tổng giá trị là 694.065.000 đồng.

- Tại Bản Kết luận giám định số 1962/KL-KTHS, ngày 03/01/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ, đối với chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng mua bán cáp điện nguyên lô chưa qua sử dụng, số: 140/HĐMB/2021/XMC-HTSS, ngày 23/9/2024; Biên bản bàn giao vật tư, ngày 20/9/2024 của Tổng công ty cổ phần C và Biên bản bàn giao vật tư, ngày 20/9/2024 của Ban chỉ huy gói thầu số 7:

+ Chữ viết có nội dung “thôn G, E - MDRAK - DAK LAK 0706192078 6320606022 (0081001224352) B5 0400101450 Hoàng Xuân H *nhận hộ*” tại trang 2 và chữ viết có nội dung “Đặng Quang toàn tôi Đã nhận tiền 0440 9000 7325” dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A”, tại trang 4 trên Hợp đồng mua bán với chữ viết mang tên Phan Văn B là cùng một người viết ra.

+ Chữ viết phần nội dung còn lại tại trang 2 trên Hợp đồng mua bán không phải do Phan Văn B viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Đặng Quang T1 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A”, trong Hợp đồng mua bán, “ĐƠN VỊ THI CÔNG”, trong Biên bản bàn giao vật tư, ngày 20/9/2024 của Tổng Công ty cổ phần C và dưới mục “BAN CHỈ HUY GÓI THẦU SỐ 07”, trong Biên bản bàn giao vật tư, ngày 20/9/2024 của Ban chỉ huy gói thầu số 7, do có dạng khác nhau.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Đức D dưới mục “TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM” với chữ ký mang tên Nguyễn Đức D, do có dạng khác nhau.

- Tại Công văn số 1014 CV/VNECO-KTVT ngày 25/10/2024 của Tổng Công ty cổ phần C cung cấp thông tin, tài liệu công trình K - N mạch 2 như sau:

+ Tổng Công ty cổ phần C là nhà thầu chính thực hiện Hợp đồng xây lắp số: 32/2020/HĐXL-CPMB ngày 19/03/2020, giữa Ban quản lý dự án các công trình điện Việt Nam. Công trình này Tổng Công ty cổ phần C không thành lập Ban chỉ huy gói thầu giao cho Công ty CP X điện VNECO12 là Công ty con thực hiện toàn bộ gói thầu này.

+ Ban chỉ huy gói thầu số 07 là không có thật. Các tên trong văn bản: Nguyễn Đức D và Đặng Quang T1 không phải là nhân viên của Công ty.

* Việc thu giữ, tạm giữ, xử lý đồ vật, tài liệu:

- Ngày 28/9/2024, Hoàng Xuân H giao nộp:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 Ultra, số IMEI: 355157584447980; số IMEI: 355867884447981, gắn thẻ sim mạng Vinaphone;

+ 01 Chứng từ giao dịch Ủy nhiệm chi, ngày 23/9/2024 của Ngân hàng TMCP N2 - Chi nhánh B6.

- Ngày 27/9/2024, Phan Văn B giao nộp:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu TCL 406s, số IMEI: 354165340702219; số IMEI: 354165340702227; gắn 02 thẻ sim mạng Mobiphone;

+ 01 con dấu, hình chữ nhật; thân dấu có chữ “Shing ECO rPET-844”; dấu có chữ “BCH GÓI THẦU SỐ 07; TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN X; MST: 0400101450; 344 P, P. B, Q. H, TP .”;

+ 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Air Blade, màu Đen Vàng, biển số 47G - 259.87. Ngày 04/6/2025, CQCSĐT Công an tỉnh Đ đã trả lại cho bà Đoàn Thị Kim N là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng.

- Ngày 27/9/2024, ông Lê Đình L1 giao nộp: Dây sắt: 4.282kg; T3 sắt: 503kg; Dây nhôm: 10.865kg. Ngày 27/3/2025, CQCSĐT Công an tỉnh Đ đã trả lại các tài sản trên cho Tổng Công ty C.

- Ngày 13/11/2024, ông Đặng Quang T1 giao nộp số tiền 120.000.000 đồng.

- Ngày 27/9/2024, ông Phạm Khắc B1 giao nộp số tiền 225.000.000 đồng.

- Ngày 06/5/2025, ông Phạm Khắc B1 giao nộp số tiền 70.000.000 đồng.

- Ngày 01/10/2024, ông Lê Công T2 giao nộp số tiền 22.000.000 đồng.

- Ngày 20/01/2025, ông Hoàng Ngọc H1 (bố của bị can Hoàng Xuân H) giao nộp số tiền 120.000.000 đồng.

- Ngày 14/11/2025, ông Hoàng Ngọc H1 giao nộp số tiền 200.000.000 đồng.

- Ngày 03/4/2025, bà Đoàn Thị Kim N (mẹ của bị can Phan Văn B) giao nộp số tiền 100.000.000 đồng.

- Ngày 06/01/2025, bà Đoàn Thị Kim N giao nộp số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 04/6/2025, CQCSĐT Công an tỉnh Đ đã trả lại cho ông Lê Đình L1 số tiền 625.000.000 đồng; trả cho Tổng công ty cổ phần C số tiền 292.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2025/HS-ST ngày 17/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

“[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

[2] Về hình phạt và điều luật áp dụng:

[2.1] Áp dụng Điểm a, Khoản 4 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạt: Bị cáo Hoàng Xuân H 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Điểm b, Khoản 3 Điều 341; Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạt: Bị cáo Hoàng Xuân H 04 (B2) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Hoàng Xuân H phải chấp hành hình phạt chung là: 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 28/9/2024.

[2.2] Áp dụng Điểm a, Khoản 4 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạt: Bị cáo Phan Văn B 13 (Mười ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Điểm b, Khoản 3 Điều 341; Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; phạt: Bị cáo Phan Văn B 03 (Ba) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Phan Văn B phải chấp hành hình phạt chung là: 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 28/9/2024.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/9/2025, bị cáo Hoàng Xuân H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/10/2025, bị cáo Phan Văn B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo đều giữ yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 173 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật, mức hình phạt 18 năm tù đối với bị cáo Hoàng Xuân H, 16 năm tù đối với bị cáo Phan Văn B là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B khai nhận một phần hành vi phạm tội, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/9/2024, lợi dụng sự sơ hở của Tổng công ty Cổ phần C trong việc quản lý tài sản, Hoàng Xuân H, Phan Văn B đã lén lút trộm 04

cuộn dây cáp điện có tổng giá trị 1.096.000.000 đồng, sau đó H, B đã làm giả con dấu, giấy tờ của Tổng Công ty cổ phần C để bán 04 cuộn dây cáp điện cho ông Phan Khắc B3 với giá 400.000.000 đồng. Ông B3 đã vận chuyển 04 cuộn dây cáp điện về thành phố Hồ Chí Minh bán lại cho ông Lê Đình L1 với giá 625.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B “*Trộm cắp tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 173 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật.

[2] Bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác và hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện tội phạm là nguy hiểm cho xã hội sẽ bị pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật. Hành vi của các bị cáo thể hiện xem thường pháp luật nên cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và ngăn ngừa loại tội phạm này tại địa phương.

[3] Hoàng Xuân H là người chủ động bàn bạc với bị cáo Phan Văn B về việc trộm cắp tài sản, cũng là người tìm người mua, thỏa thuận giá bán, bị cáo H cũng hưởng lợi bất chính số tiền 280.000.000 đồng/380.000.000 đồng nên vai trò trong vụ án này thì Hoàng Xuân H có vai trò cao hơn và phải bị xử phạt cao hơn so với bị cáo Phan Văn B.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”:

Điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản như sau:

“4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

b) Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, tình trạng khẩn cấp.”

Thấy trong vụ án này bị hại là Tổng công ty Cổ phần C đã thu hồi lại toàn bộ thiệt hại, gia đình bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B đã tự nguyện bồi thường cho anh Phạm Khắc B1, Lê Đình L1. Như vậy, thiệt hại trong vụ án đã được khắc phục toàn bộ thiệt hại nên tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cũng giảm đi so với các vụ án cùng tội “*Trộm cắp tài sản*” khác mà tang vật không được thu hồi.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện tác động để gia đình bồi thường toàn bộ số tiền phạm tội mà có cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (gia đình bị cáo H đã nộp 320.000.000 đồng, gia đình bị cáo B nộp 160.000.000 đồng) và được bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua có đơn bãi nại, xin giảm hình phạt, bị cáo B có người thân trong gia đình là người có công với cách mạng, bị cáo B có nhân thân xấu được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật.

Như đã phân tích ở trên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, thiệt hại trong vụ án đã được khắc phục toàn bộ nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Hoàng Xuân H với mức hình phạt 14 năm tù, bị cáo Phan Văn B 13 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có phần nặng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hoàng Xuân H có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là ông bà nội được tặng Bằng khen vì có thành tích trong tham gia trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huân chương kháng chiến hạng Ba vì có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Xuân H cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Văn B không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng để đảm bảo sự công bằng giữa các bị cáo trong vụ án thì HĐXX thấy cần giảm hình phạt cho bị cáo Phan Văn B. Bị cáo Phan Văn B có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”:

Điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức như sau:

“3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng”.

Bị cáo Phan Văn B chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Phan Văn B 03 năm tù đây là mức khởi điểm của khung hình phạt là đúng quy định pháp luật.

Do vai trò của bị cáo Hoàng Xuân H cao hơn so với bị cáo Phan Văn B nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp.

Vì vậy, không có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo H, B về tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”*

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo H, B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2025/HS-ST ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

1. Áp dụng Điểm a, Khoản 4 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân H 12 (Mười hai) năm tù về tội *“Trộm cắp tài sản”*;

Áp dụng Điểm b, Khoản 3 Điều 341; Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Xuân H 04 (B2) năm tù về tội *“Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”*.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Hoàng Xuân H phải chấp hành hình phạt chung là: 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 28/9/2024.

2. Áp dụng Điểm a, Khoản 4 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn B 11 (Mười một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng Điểm b, Khoản 3 Điều 341; Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn B 03 (Ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự; Tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo Phan Văn B phải chấp hành hình phạt chung là: 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 28/9/2024.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về án phí phúc thẩm: bị cáo Hoàng Xuân H, Phan Văn B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại giam số 01 Công an tỉnh Đắk Lắk (03 bản để giao cho 2 bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Phước Hòa